

Số: /SGDDĐT-KT

Tây Ninh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số và thống kê giáo dục
năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông;
- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông nhiều cấp học;
- Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tỉnh;
- Giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện, thị xã, Cụm thành phố Tây Ninh.

Căn cứ Công văn số 4324/BGDDĐT-CNTT ngày 14/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CDS) và thống kê giáo dục năm học 2024-2025, Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 2139/KH-UBND ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025”¹, Kế hoạch số 373/KH-TCTĐA06 ngày 01/02/2024 của Tổ Công tác về triển khai thực hiện các mô hình theo nhiệm vụ của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025” và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

2. Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng

¹ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

b) Tổ chức xây dựng học liệu số, đóng góp và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GDĐT¹ trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những nơi có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

d) Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học.

đ) Rà soát, đề xuất đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

g) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

¹ <https://igiaoduc.vn>, <https://www.youtube.com/@igiaoduc>

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục

a) Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường, đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Tham mưu lãnh đạo các cấp bố trí nguồn lực để triển khai học bạ số trong giáo dục phổ thông; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến triển khai văn bằng số, chứng chỉ số và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GDĐT¹.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai học bạ số ở tất cả các cấp học theo đúng chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục (cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, giáo dục thể chất, giáo dục dân tộc, cơ sở vật chất và chuyển đổi số).

- Hướng dẫn các đơn vị, trường học tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục² đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và người học; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh, học viên lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non và thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (lớp 6 và lớp 10 trường phổ thông dân tộc nội trú).

- Hướng dẫn các đơn vị, trường học triển khai hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường/Trung tâm, Phòng (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội

¹ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

² <https://csdl.moet.gov.vn>

dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục¹.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc cập nhật dữ liệu trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và các phần mềm hỗ trợ khác để có những biện pháp tháo gỡ, giúp đỡ kịp thời.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a) Dịch vụ đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến;

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học tổ chức triển khai việc lập hồ sơ, thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tuyển cao đẳng, đại học, thanh toán lệ phí, học phí bằng hình thức trực tuyến theo đúng chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn trình.

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, trường học tổ chức triển khai việc đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học bằng hình thức trực tuyến ở cấp học phù hợp và những nơi có điều kiện.

c) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ².

Triển khai các thủ tục hành chính ngành giáo dục theo đúng Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

d) Triển khai sử dụng hiệu quả Hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt của ngành giáo dục để đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Các đơn vị, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt ở tất cả các khoản thu bảo đảm **thuận lợi, dễ thực hiện** cho người dân, phụ huynh học sinh, học sinh, sinh viên; bảo đảm được việc quản lý hiệu quả của nhà trường (**không phát sinh thêm việc cho kế toán trường học**). Khuyến khích sử dụng App trên điện thoại thông minh để dễ thực hiện.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

a) Đối với Sở GDĐT, Phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị/cơ

¹ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ GDĐT về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

² Quyết định số 2065/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024.

quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

c) Nghiên cứu thành lập “Tổ Chuyển đổi số trường học” để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS tại các cơ sở giáo dục.

2. Triển khai thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán

a) Đối với Phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai việc thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán và công tác kiểm tra, giám sát, thống kê chi tiết các khoản thu công khai, minh bạch.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT, kế toán thực hiện việc thu chi không dùng tiền mặt có kết nối nền tảng quản lý kế toán, đồng thời theo dõi, giám sát các khoản thu công khai, minh bạch.

3. Triển khai Học bạ số

a) Đối với Phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai Học bạ số, kiểm duyệt chữ ký số và kiểm tra, giám sát việc đóng gói phát hành Học bạ số lên Sở.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên giám sát thực hiện chữ ký số và đóng gói phát hành Học bạ số.

Chuẩn bị các điều kiện về nhân sự, cơ sở vật chất (máy móc, thiết bị,...) để triển khai học bạ số trong trường học.

Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ bảo đảm đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định, điều kiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phải bảo đảm chính xác, dễ sử dụng, quy trình thao tác đơn giản thuận lợi cho người sử dụng.

4. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và quản lý trường học

a) Đối với Phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi việc thực hiện đồng bộ giữa hệ thống quản lý trường học và cơ sở dữ liệu ngành đồng thời giám sát chặt chẽ việc cập nhật thông tin đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, kết quả học tập, y tế trường học và sức khỏe học sinh **đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống**.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm thực hiện đồng bộ giữa hệ thống quản lý trường học và cơ sở dữ liệu ngành đồng thời cập nhật đầy đủ, chính xác

thông tin đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất, kết quả học tập, y tế trường học và sức khỏe học sinh...

5. Hệ thống học tập trực tuyến

a) Đối với Phòng GD&ĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai hệ thống học tập trực tuyến đáp ứng tối thiểu 04 chức năng: (1) Giáo viên giao bài tập cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.

Chỉ đạo các trường trực thuộc tổ chức chức dạy học trực tuyến; tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng hình thức trực tuyến; hội họp trực tuyến bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, có chất lượng.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm hướng dẫn thực hiện và vận hành hệ thống.

Tổ chức chức dạy học trực tuyến; tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bằng hình thức trực tuyến ở những nơi có điều kiện; hội họp trực tuyến bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, có chất lượng.

6. Triển khai dịch vụ trực tuyến

a) Đối với Phòng GD&ĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi việc triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp; ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua OTT (Over the top) hoặc qua ứng dụng web.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức CNTT hoặc giáo viên kiêm nhiệm thực hiện dịch vụ tuyển sinh đầu cấp; ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường thông qua OTT (Over the top) hoặc qua ứng dụng web.

7. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Các đơn vị, trường học tổ chức việc đánh giá bảo đảm đúng quy trình, thời gian, chính xác về mức độ, có đầy đủ minh chứng theo từng tiêu chí và báo cáo về cơ quan cấp trên đúng thời gian quy định.

8. Tăng cường công tác thể chế: Các cơ quan, đơn vị quản trị hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên cơ sở dữ liệu ngành);

đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

9. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục

a) Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

11. Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

12. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục, tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khảo thí – Chuyển đổi số

- Thực hiện tốt vai trò tham mưu, quản lý nhà nước về ứng dụng CNTT, thường xuyên hỗ trợ, giám sát, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì, theo dõi bảo trì, đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở; hỗ trợ CNTT cho các Phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị, trường học.

- Tham mưu kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển

đổi số trong công tác quản lý, dạy và học tại một số đơn vị, trường học.

- Phối hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo việc triển khai công tác này theo đúng thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Phối hợp phòng Khảo thí – Chuyên đổi số tham mưu, bố trí kinh phí, thực hiện mua sắm các hệ thống phần mềm, hạ tầng CNTT phục vụ công tác ứng dụng CNTT và CDS tại các cơ sở giáo dục đảm bảo thực hiện các mục tiêu của nhiệm vụ đúng theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Giáo dục trung học – Chuyên nghiệp, Phòng Mầm non – Tiểu học

Giám sát, đôn đốc việc ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động chuyên môn, học bạ số, công tác kiểm tra, đánh giá, hoạt động dạy và học trong các cơ sở giáo dục. Phối hợp đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

4. Phòng Tổ chức cán bộ

Phối hợp phòng Khảo thí – Chuyên đổi số giám sát, đôn đốc việc cập nhật, thống kê, báo cáo trên cơ sở dữ liệu ngành.

5. Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp Phòng Khảo thí – Chuyên đổi số thực hiện tốt vai trò tham mưu, xây dựng tiêu chí chấm điểm thi đua ở các đơn vị, trường học theo quy định.

6. Các phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc

a) Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025; triển khai rộng rãi đến các bộ phận, đặc biệt phải quán triệt chi tiết nội dung kế hoạch cùng các hướng dẫn đến các cán bộ được phân công phụ trách công CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục; xem đây là một trong các tiêu chí để đánh giá thi đua đối với các đơn vị.

b) Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ theo qui định; bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác, cụ thể như sau:

- Trước **ngày 18/9/2024** các đơn vị hoàn thành các công việc như sau:

+ Gửi về Sở GDĐT kế hoạch triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 (file .pdf hoặc file ký số có ký tên, đóng dấu và file .docx);

+ Cập nhật danh sách viên chức phụ trách hoặc kiêm nhiệm công tác CNTT, CSDL ngành, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025 theo địa chỉ: https://bit.ly/cnttcads_baocao

- Báo cáo thống kê CSDL ngành định kỳ (*sẽ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện*).

- Báo cáo tổng kết đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (*sẽ có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện*).

- Các đơn vị, trường học tổ chức sơ kết đánh giá tình hình ứng dụng CNTT và CDS giữa năm học sau khi kết thúc học kỳ 1 và gửi báo cáo về Sở GDĐT chậm nhất **ngày 18/01/2025**; đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và CDS năm học 2024-2025 và gửi Sở GDĐT chậm nhất **ngày 07/6/2025** để tổng hợp báo cáo về Bộ GDĐT.

Lưu ý: Tất cả các báo cáo gửi về Sở GDĐT bằng file .pdf hoặc file ký số có ký tên, đóng dấu và file .docx qua địa chỉ: https://bit.ly/bc_cnttcads

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo, thông tin kịp thời về Sở GDĐT (qua phòng Khảo thi – Chuyển đổi số; đ/c Trần Ngọc Linh; số điện thoại 0975558587; Email: phongcntt.sotayninh@moet.edu.vn) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CNTT Bộ GDĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TT&TT;
- GD, các P.GD Sở;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục

MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

*(Ban hành kèm theo Công văn số: 4219 /SGDDĐT-KT ngày 25/8/2024
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
3. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
4. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;
5. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
6. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
7. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
8. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”;
9. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;
10. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;
11. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở

giáo dục;

12. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

14. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thông kê ngành giáo dục;

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện, tỉnh;

20. Công văn số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông;

21. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

22. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

23. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.